

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 12 – 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/12/2022 và ngày 16/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tăng Lâm Ngọc S (có mặt).

Địa chỉ: xã An H, huyện Châu Th, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Thạch L (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, Phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Tăng Lâm Ngọc S trình bày:

Bà S và ông L chung sống với nhau từ năm 2016, đến ngày 30/8/2019 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố ST cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2019, hôn nhân của ông bà là tự nguyện không ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, ông L không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu say sau đó đánh vợ con, bà S đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, cuộc sống

vợ chồng không còn hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông bà có một người con chung tên Thạch Lâm Ngọc H, giới tính: nữ, sinh ngày 17/01/2017, ông bà không có con riêng hay con nuôi nào khác. Hiện nay, cháu H đang sống cùng ông L.

Về tài sản chung: ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Nay bà Tăng Lâm Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Tăng Lâm Ngọc S xin được ly hôn với ông Thạch L.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: sau khi ly hôn, bà S đề nghị giao cháu Thạch Lâm Ngọc H cho ông Thạch L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu H đủ 18 tuổi và bà S sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nếu ông Thạch L không đồng ý nuôi con thì bà S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Thạch L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn của bà S và ông Thạch L, 01 bản sao giấy khai sinh Thạch Lâm Ngọc H.

- *Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 06/10/2022 và tại phiên họp hòa giải ngày 20/10/2022 bị đơn ông Thạch L trình bày:*

Ông L không đồng ý ly hôn với bà S vì ông không có rượu chè đánh đập vợ con như bà S trình bày, nếu Tòa án vẫn giải quyết ông và bà S ly hôn thì ông L đề nghị được nuôi con chung là cháu Thạch Lâm Ngọc H đến khi cháu H đủ 18 tuổi và đề nghị bà S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Tăng Lâm Ngọc S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc về tuân thủ pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tăng Lâm Ngọc S; Về con chung: giao con chung Thạch Lâm Ngọc H cho ông Thạch L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi và buộc bà Tăng Lâm Ngọc S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ

chung: không đặt ra xem xét giải quyết và buộc bà S phải chịu án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Thạch L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Thạch L và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[2] Bà Tăng Lâm Ngọc S và ông Thạch L tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 2016 và đến năm 2019 ông, bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2019 ngày 30/8/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông Thạch L là hợp pháp, được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà S và ông Thạch L trong quá trình chung sống, đời sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột, không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình mà đã tự sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do vậy, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, ông Thạch L không đồng ý ly hôn với bà S nhưng ông thừa nhận giữa ông và bà S đã không còn chung sống cùng nhau, vợ chồng ông hiện tại đều có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà S và ông L được ly hôn.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

- Về con chung: trong thời gian chung sống, bà S và ông Thạch L có với nhau 01 người con chung tên Thạch Lâm Ngọc H, sinh ngày 17/01/2017 hiện đang sống cùng ông Thạch L.

Ông L mặc dù không đồng ý ly hôn với bà S nhưng có nguyện vọng nuôi con chung nếu Tòa án quyết định cho ly hôn và điều này bà S cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sau khi ly hôn giao cháu H cho ông Thạch L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Thạch L yêu cầu bà S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng và bà S đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của ông L.

Xét thấy, sự thỏa thuận của bà S và ông L không trái quy định pháp luật và không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bà S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H mỗi tháng 1.500.000 đồng, định kỳ vào ngày 15 hàng tháng bà S nộp tiền tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 16/12/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ông Thạch L và các thành viên gia đình không được cản trở bà S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.

[5] Về tài sản chung: Bà S trình bày tự thỏa thuận với ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Thạch L cũng không có ý kiến về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Tăng Lâm Ngọc S và ông Thạch L thống nhất xác định trong quá trình chung sống ông bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Thạch L không phải chịu án phí.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Lâm Ngọc S và ông Thạch L được ly hôn.

2/. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao cháu Thạch Lâm Ngọc H (nữ), sinh ngày 17/01/2017 cho ông Thạch L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ông Thạch L và các thành viên gia đình không được cản trở bà S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bà S cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, định kỳ vào ngày 15 hàng tháng bà S nộp tiền tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 16/12/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí:

- Buộc bà Tăng Lâm Ngọc S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000723 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

- Ông Thạch L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố ST;
- Các đương sự;
- UBND phường N, thành phố ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương